TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 746/2025/DS-ST
Ngày: 10/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*1/- Bà Nguyễn Thị Liễu

2/- Bà Trần Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1257/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 529/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1816/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: số B đường N, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.

Có bà Nguyễn Thị Thanh T - đại diện theo Giấy ủy quyền số 438/2024/GUQ-PGDXM ngày 19/9/2024 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn : Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số D đường N, Phường C, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là ngân hàng) có bà Nguyễn Thị Thanh T đại diện trình bày :

Ngày 03/08/2023, Ông Nguyễn Văn H có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhanh G – Phòng G hợp đồng tín dụng 202126134767 ngày 25/05/2021 với số tiền vay là 99.000.000 đồng, mục đích tiêu dung, thời hạn 60 tháng; hợp đồng tín dụng 202327181447 ngày 03/8/2023 với số tiền vay là 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dung, thời hạn 60 tháng.

Ngày 13/04/2015, Ông Nguyễn Văn H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức sử dụng là 80,000,000 vnđ. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Nguyễn Văn H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 88.147.703 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Văn H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, đến kỳ trả nợ ngày 05/05/2024, Ông Nguyễn Văn H không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo đúng cam kết trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở, tạo điều kiện nhưng Ông Nguyễn Văn H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông Nguyễn Văn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 17/09/2024, Ông Nguyễn Văn H còn nợ ngân hàng số tiền 154.621.406 đồng. Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/09/2024 là 154.621.406 đồng. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/09/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà T1 và không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn TMCP S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ các bảng tính lãi chi tiết hợp đồng vay tạm tính đến ngày 10/9/2025 ông Nguyễn Văn H còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền 195.380.554 đồng, trong đó: Nợ tín dụng theo Hợp đồng số 202126134767, giấy nhận nợ số LD2114500016 gồm nợ gốc là 29.700.000 đồng, lãi quá hạn là 1.379.196 đồng; Nợ tín dụng theo Hợp đồng số 202327181447, giấy nhận nợ số LD2321500303 gồm nợ gốc là 29.435.704 đồng, lãi quá hạn là 1.910.757 đồng; Nợ thẻ tín dụng tài khoản 3476688837 gồm nợ gốc 90.363.737, nợ lãi 42.591.160 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các phụ lục hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP S.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :*

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tín dụng là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền: Theo kết quả xác minh của Công an P, quận G (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) *ông Nguyễn Văn H có đăng ký thường trú tại địa chỉ số D đường N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại không còn ở đại phương, không rõ đi đâu*. Căn cứ kết quả xác minh nêu trên cho

thấy sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông Nguyễn Văn H thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Phường C, quận G (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) được xem là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bà Nguyễn Thị Thanh T là Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Văn H.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về nợ gốc : Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/4/2015; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126134767 ngày 25/5/2021; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202327181447 ngày 03/8/2023 thể hiện ông Nguyễn Văn H được Ngân hàng TMCP S cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 80.000.000 đồng, cho vay các khoản 99.000.000 đồng và 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc thỏa thuận của các đương sự phù hợp với qui định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và qui định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ bảng Tóm tắt sao kê của khách hàng ông Nguyễn Văn H theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/4/2015; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126134767 ngày 25/5/2021; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202327181447 ngày 03/8/2023 do nguyên đơn cung cấp thì trong quá trình sử dụng thẻ ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 05/5/2024 và ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay, Ngân hàng

TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải thanh toán nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi :

Lãi suất được thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/4/2015; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126134767 ngày 25/5/2021; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202327181447 ngày 03/8/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, từ khi ông H sử dụng thẻ lãi suất trong hạn được tính theo hợp đồng, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi trong hạn; các khoản phí dịch vụ thẻ và lãi suất các bên thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, xét Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 195.380.554 đồng, trong đó: Nợ tín dụng theo Hợp đồng số 202126134767, giấy nhận nợ số LD2114500016 gồm nợ gốc là 29.700.000 đồng, lãi quá hạn là 1.379.196 đồng; Nợ tín dụng theo Hợp đồng số 202327181447, giấy nhận nợ số LD2321500303 gồm nợ gốc là 29.435.704 đồng, lãi quá hạn là 1.910.757 đồng; Nợ thẻ tín dụng tài khoản 3476688837 gồm nợ gốc 90.363.737, nợ lãi 42.591.160 đồng, một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các phụ lục hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ cho ngân hàng; Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TTNHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S :

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 195.380.554 đồng, trong đó: Nợ tín dụng theo Hợp đồng số 202126134767, giấy nhận nợ số LD2114500016 gồm nợ gốc là 29.700.000 đồng, lãi quá hạn là 1.379.196 đồng; Nợ tín dụng theo Hợp đồng số 202327181447, giấy nhận nợ số LD2321500303 gồm nợ gốc là 29.435.704 đồng, lãi quá hạn là 1.910.757 đồng; Nợ thẻ tín dụng tài khoản 3476688837 gồm nợ gốc 90.363.737, nợ lãi 42.591.160 đồng; trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/9/2025 ông Nguyễn Văn H còn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/4/2015; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126134767 ngày 25/5/2021; Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202327181447 ngày 03/8/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ trên.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm : án phí dân sự sơ thẩm là 9.769.028 đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu.

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 3.865.535 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014977 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3/. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7-Tp.HCM;
- Phòng THAHS KV7- Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo